|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG AN** | **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/TT-BCA | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |
| |  | | --- | | **DỰ THẢO LẦN 2** | |  |

**THÔNG TƯ**

**Quy định tổ chức hoạt động bay của Không quân Công an nhân dân**

*Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân ngày 22 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Cảnh sát cơ động ngày 14 tháng 6 năm 2022;*

*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2015/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay;*

*Căn cứ Nghị định* *số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cảnh sát cơ động;*

*Theo đề nghị của Tư lệnh Cảnh sát cơ động;*

*Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định tổ chức hoạt động bay của Không quân Công an nhân dân.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

1. **Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về quản lý và khai thác tàu bay; quản lý và khai thác sân bay; thành viên tổ bay và nhân viên bảo đảm kỹ thuật tàu bay; quản lý, điều hành bay; bảo đảm bay và tổ chức bay; tổ chức bảo đảm an toàn bay của Không quân Công an nhân dân.

1. **Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị Không quân Công an nhân dân được trang bị tàu bay có người lái và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

1. **Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữdưới đây được hiểu như sau:

1. *An toàn bay* là trạng thái mà con người, thiết bị, môi trường khai thác, bảo đảm, phục vụ bay được bảo vệ, phòng chống lại những tác nhân, yếu tố nguy hại có thể phát sinh (hoặc tiềm ẩn) do các nguyên nhân chủ quan, khách quan trong hoạt động bay.
2. *Ban bay* là một đại lượng khái quát tương đối về giai đoạn thực hành bay trong khoảng thời gian và không gian nhất định. Tổ chức ban bay ngày (đêm) là thực hiện kế hoạch bay huấn luyện ngày (đêm) hoặc thực hiện các chuyến bay nhiệm vụ ngày (đêm) trong các điều kiện khí tượng khác nhau.
3. *Bảo đảm bay* là tổng hợp các biện pháp của người chỉ huy để tổ chức hoạt động của các cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm phục vụ cho hoạt động bay nói chung, huấn luyện bay nói riêng ở các đơn vị Không quân Công an nhân dân được hoàn thành với chất lượng, hiệu quả cao và an toàn.
4. *Bảo đảm an toàn bay* là tổng hợp các giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm của người chỉ huy và các cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm không xảy ra hoặc hạn chế đến mức thấp nhất thương tật, tử vong đối với con người và hư hỏng tàu bay, trang thiết bị trong quá trình khai thác, bảo đảm bay.
5. *Chỉ lệnh đủ điều kiện bay*là yêu cầu bảo dưỡng, kiểm tra hoặc thay thế đối với tàu bay, động cơ hoặc các thiết bị tàu bay bắt buộc phải được thực hiện nhằm ngăn ngừa sự cố uy hiếp an toàn bay do quốc gia đăng ký tàu bay, động cơ ban hành hoặc thừa nhận các yêu cầu tương tự do nhà chức trách hàng không của quốc gia thiết kế, chế tạo ban hành.
6. *Chuẩn bị bay* là tổng hợp các biện pháp của người chỉ huy, các cơ quan, đơn vị bảo đảm và mỗi cá nhân nhằm thực hiện tốt các bước chuẩn bị cho ban bay từ lúc hạ quyết tâm bay cho đến khi kết thúc hội nghị giao nhiệm vụ trước khi bay.
7. *Chỉ huy bay, quản lý điều hành bay* là những hoạt động của tổ chỉ huy bay và kíp trực quản lý điều hành bay nhằm điều hành một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác và an toàn cho các thành viên tổ bay hoàn thành nhiệm vụ.
8. *Cơ quan quản lý điều hành bay* là các Trung tâm quản lý điều hành bay của Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng (các Trung tâm quản lý điều hành bay khu vực 1, 2, 3; Trung tâm quản lý điều hành bay quốc gia) và cơ sở điều hành bay (Trung tâm kiểm soát đường dài, cơ sở kiểm soát tiếp cận hoặc đài kiểm soát tại sân bay, đài chỉ huy bay).
9. *Cơ giới trên không* là người chịu trách nhiệm kiểm soát các thông số, tình trạng kỹ thuật theo tính năng thiết kế của từng loại tàu bay, phối hợp tổ bay xử lý các tình huống khẩn nguy xảy ra.
10. *Điều kiện bay liên tục* là tập hợp các quy trình phải thực hiện theo để một tàu bay, động cơ, cánh quạt hoặc bộ phận của tàu bay tuân thủ các quy định đủ điều kiện bay được áp dụng và duy trì điều kiện khai thác an toàn trong suốt cuộc đời hoạt động của tàu bay.
11. *Đủ điều kiện bay* là tình trạng của tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay hoặc một bộ phận của tàu bay tuân thủ thiết kế được phê chuẩn và đủ điều kiện đảm bảo khai thác an toàn.
12. *Giảng bình bay* là biện pháp quan trọng được thực hiện trong và sau chuyến bay, ban bay nhằm đánh giá kết quả thực hiện chuyến bay, ban bay, làm rõ những mặt mạnh yếu trong công tác chỉ huy và bảo đảm bay, phân tích tỉ mỉ những hành động của thành viên tổ bay, chỉ huy bay cũng như các sự cố uy hiếp an toàn bay, xác định nguyên nhân đồng thời đề ra những biện pháp tích cực để khắc phục, phòng ngừa.
13. *Huấn lệnh* là các thông tin, chỉ thị, mệnh lệnh của chỉ huy bay (Trung tâm chỉ huy) và nhân viên kiểm soát không lưu của cơ sở điều hành bay cấp cho thành viên tổ bay để thực hiện chuyến bay.
14. *Huấn luyện bay* là huấn luyện cho thành phần bay sử dụng thành thạo tàu bay, các trang, thiết bị có trên tàu bay; huấn luyện tiến hành những hoạt động làm nhiệm vụ độc lập, trong đội hình phù hợp với nhiệm vụ được giao.
15. *Kế hoạch bay* là văn kiện theo mẫu quy định, trong đó thể hiện nội dung thứ tự thực hiện các chuyến bay và nhiệm vụ của chỉ huy bay, thành viên tổ bay bằng thuyết minh và các ký hiệu.
16. *Nhân viên bảo đảm kỹ thuật tàu bay* là người trực tiếp kiểm tra, thực hiện (giám sát) công việc bảo dưỡng, sửa chữa hoặc các thay đổi, cải tiến các thiết bị, hệ thống và tàu bay.
17. *Phi công - lái chính* là người chỉ huy tàu bay, trực tiếp điều khiển tàu bay, chịu trách nhiệm toàn bộ về kết quả chuyến bay.
18. *Phi công - lái phụ* là người phụ giúp lái chính, tham gia điều khiển tàu bay theo hiệp đồng tổ bay và thực hiện nhiệm vụ dẫn đường trên không.
19. *Thực hành bay* là giai đoạn quan trọng quyết định của công tác tổ chức bay, là quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cá nhân, cơ quan, đơn vị, bộ phận (Trung tâm chỉ huy, tổ chỉ huy bay, phi đội bay, đơn vị bảo đảm) trong khoảng thời gian nhất định của ban bay theo thứ tự đã xác định của kế hoạch bay, dưới sự chỉ huy điều hành tập trung, thống nhất của Chỉ huy bay nhằm hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện của ban bay.
20. *Tổ chức bay* là tổng hợp các biện pháp và hoạt động của người chỉ huy, các ban, đơn vị nhằm triển khai thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ bay theo các giai đoạn chuẩn bị, thực hành và giảng bình bay.
21. **Nguyên tắc tổ chức hoạt động bay**

1. Quán triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng về công tác bảo đảm an ninh, trật tự, đấu tranh phòng***,*** chống tội phạm; tuân thủ Luật Công an nhân dân, Luật Cảnh sát cơ động, quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động hàng không và các Điều ước quốc tế mà Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Bảo đảm khoa học, tiết kiệm, phù hợp thực tiễn về chỉ huy, chỉ đạo, điều hành hoạt động bay theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ, thống nhất, đồng bộ với các cơ quan quản lý và bảo vệ vùng trời Việt Nam; bảo đảm an ninh, an toàn hàng không và quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH quản lý, khai thác TÀU BAY**

1. **Quản lý tàu bay**

1.Tàu bay của Không quân Công an nhân dân là tàu bay chuyên dùng được Bộ Công an trang cấp cho các đơn vị trong lực lượng Công an nhân dân để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Các đơn vị trong Công an nhân dân được trang cấp tàu bay có trách nhiệm quản lý tàu bay theo quy định, bảo đảm công tác thường trực, sẵn sàng ra quân thực hiện nhiệm vụ.

1. **Dấu hiệu nhận biết của tàu bay Không quân Công an nhân dân**

1. Dấu hiệu nhận biết của tàu bay Không quân Công an nhân dân bao gồm biểu tượng Quốc kỳ Việt Nam và số hiệu tàu bay.

a) Biểu tượng Quốc kỳ Việt nam có chiều rộng bằng hai phần ba (2/3) chiều dài, kích thước cân đối và phù hợp với từng loại tàu bay; được sơn ở hai bên phần thân và dưới bụng của tàu bay;

b) Số hiệu tàu bay trong Không quân Công an nhân dân được thể hiện bằng bốn (04) chữ số, trong đó: hai (02) chữ số đầu tiên là số năm mà tàu bay được đưa vào biên chế, hai (02) chữ số tiếp theo là số thứ tự của tàu bay trong biên chế. (Ví dụ: Tàu bay mang số hiệu 2401, được hiểu như sau: 24 - Tàu bay được đưa vào biên chế năm 2024; 01 - Tàu bay thứ nhất của Không quân Công an nhân dân).

Dấu hiệu nhận biết được thể hiện trên tàu bay phải bảo đảm có độ bền, rõ ràng và dễ nhận biết bằng mắt thường hoặc bằng các phương tiện nhận biết thông thường khác.

2. Đơn vị được giao quản lý tàu bay chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu, đề xuất lãnh đạo Bộ Công an quyết định về dấu hiệu nhận biết đảm bảo phù hợp với thiết kế của từng loại tàu bay được trang cấp và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

1. **Tiêu chuẩn đủ điều kiện bay**

1. Tàu bay, động cơ và các thiết bị của tàu bay phải có lý lịch, hồ sơ khai thác, bảo dưỡng đầy đủ, rõ ràng, đáp ứng duy trì các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay, tiêu chuẩn đủ điều kiện bay liên tục của nhà sản xuất và quốc gia thiết kế chế tạo.

2. Được trang bị các thiết bị phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ bay nhằm đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị Không quân Công an nhân dân.

3. Trước khi đưa vào khai thác, tàu bay phải qua các bước kiểm tra bảo đảm đủ điều kiện khai thác theo quy trình của nhà sản xuất đối với từng loại tàu bay.

4. Công tác bảo dưỡng tàu bay, động cơ được thực hiện nghiêm theo các quy định bảo dưỡng của nhà sản xuất đối với từng loại tàu bay, động cơ.

Trường hợp cần thiết hoặc do ảnh hưởng, gián đoạn đến việc cung ứng thiết bị kỹ thuật của nhà sản xuất, nếu có sai lệch so với tiêu chuẩn của nhà sản xuất tàu bay, động cơ nhưng vẫn đáp ứng khả năng bay và bảo đảm an toàn bay của tàu bay, Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động đánh giá, báo cáo, đề xuất lãnh đạo Bộ Công an quyết định cho phép đưa tàu bay vào hoạt động.

1. **Khai thác tàu bay**

1. Hệ thống tài liệu khai thác tàu bay bao gồm:

a) Các tài liệu quy định, hướng dẫn khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay của nhà sản xuất và quốc gia thiết kế chế tạo;

b) Tài liệu quy định công tác tổ chức bay bao gồm các nội dung trong ba giai đoạn (chuẩn bị bay, thực hành bay, giảng bình bay).

2. Trách nhiệm của đơn vị khai thác tàu bay

a) Duy trì hệ thống quản lý, đủ khả năng kiểm tra và giám sát việc khai thác tàu bay an toàn;

b) Thực hiện nghiêm các nội dung quy định, hướng dẫn trong tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Bảo đảm mỗi tàu bay khi khai thác có đủ thành viên tổ bay được huấn luyện thành thạo cho các loại hình khai thác;

d) Bảo đảm đầy đủ các trang bị, phương tiện, thiết bị phục vụ để khai thác tàu bay an toàn.

**Chương III**

**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ*,* KHAI THÁC SÂN BAY**

1. **Thẩm quyền khai thác sân bay**

1.Sân bay của Bộ Công an là nơi thực hiện các hoạt động bay của đơn vị Không quân Công an nhân dân phục vụ công tác huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu bảo đảm an ninh, trật tự; dự bị cho hoạt động bay quân sự và một số hoạt động hàng không dân dụng khác khi có yêu cầu.

2.Tàu bay của Không quân Công an nhân dân có thể sử dụng các cảng hàng không, sân bay khác trên lãnh thổ Việt Nam làm sân bay đi, đến và sân bay dự bị để thực hiện nhiệm vụ sau khi có sự phối hợp, hiệp đồng, thống nhất giữa các đơn vị quản lý cảng hàng không, sân bay.

1. **Hoạt động quản lý, khai thác sân bay**

1. Quản lý, bảo quản sân bay, các công trình sân bay, các trang thiết bị, phương tiện triển khai ở sân bay luônở trạng thái tốt để bảo đảm cho hoạt động bay.

2. Duy trì sân bay sẵn sàng tiếp thu, khai thác tàu bay của các đơn vị theo kế hoạch thường xuyên và đột xuất.

3. Kiểm tra, giám sát và thực hiện việc giữ gìn bí mật, an ninh, an toàn trong khu vực sân bay, quy định đảm bảo an toàn bay, tĩnh không sân bay và khu vực lân cận.

4. Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch phòng thủ bảo vệ sân bay; phương án diễn tập khẩn nguy sân bay; phòng, chống cháy nổ; bạo loạn vũ trang, khủng bố; tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

1. **Trách nhiệm quản lý, khai thác sân bay**

1. Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động có trách nhiệm quản lý, khai thác sân bay theo các nội dung quy định tại Điều 10 Thông tư này; trong trường hợp cần đình chỉ hoạt động của sân bay do không đủ điều kiện khai thác hoặc để sửa chữa, nâng cấp, Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động báo cáo, đề xuất lãnh đạo Bộ Công an xem xét, quyết định.

2. Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động nghiên cứu, xây dựng các Đề án, Dự án, Kế hoạch đầu tư, phát triển, cải tạo mở rộng sân bay theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với nhu cầu phát triển sân bay, nhu cầu phát triển của ngành, vùng và địa phương; tổ chức thực hiện đầu tư, xây dựng theo Đề án, Dự án, Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các đơn vị Không quân Công an nhân dân khi khai thác tại các cảng hàng không, sân bay khác phải thực hiện nghiêm các quy định khai thác của đơn vị quản lý cảng hàng không, sân bay.

**Chương IV**

**THÀNH VIÊN TỔ BAY VÀ NHÂN VIÊN**

**BẢO ĐẢM KỸ THUẬT TÀU BAY**

1. **Thành viên tổ bay**

1. Thành viên tổ bay là những người tham gia trực tiếp vào việc điều khiển, thực hiện nhiệm vụ trên không theo tính năng thiết kế của tàu bay và bảo đảm an toàn trên chuyến bay, bao gồm: phi công - lái chính; phi công - lái phụ; cơ giới trên không.

2. Số lượng thành viên tổ bay được bố trí đáp ứng yêu cầu tối thiểu của nhà sản xuất tàu bay và yêu cầu của từng nhiệm vụ bay.

3. Trách nhiệm của thành viên tổ bay

a) Thực hiện các thao tác điều khiển bay theo quy định tài liệu khai thác tàu bay của nhà sản xuất và nhiệm vụ bay;

b) Thực hiện đầy đủ các quy định về tổ chức bay và bảo đảm an toàn bay theo các quy định tại Chương VI, VII của Thông tư này;

c) Khi thực hiện chuyến bay phải chấp hành nghiêm lệnh của Chỉ huy bay (Trung tâm chỉ huy), huấn lệnh, sự chỉ dẫn của nhân viên cơ quan quản lý điều hành bay và thực hiện nghiêm các quy định khai thác tại sân bay;

d) Thường xuyên ôn luyện lý thuyết bay, lý thuyết dẫn đường, cập nhật các thay đổi hệ thống tài liệu khai thác, hướng dẫn bay; luyện tập và sử dụng thành thạo các phương tiện, trang bị tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên tàu bay;

đ) Thường xuyên rèn luyện thể lực, chấp hành các quy định về ăn ngủ, nghỉ, theo dõi sức khỏe. Không sử dụng đồ uống có cồn trong thời gian hai mươi bốn (24) giờ, không có nồng độ cồn trong khí thở và không sử dụng các chất kích thích nguy hại khác trước khi tham gia bay cũng như trong thời gian thực hiện nhiệm vụ bay.

4. Các điều kiện thành viên tổ bay được phép bay

a) Tuổi bay, việc kéo dài tuổi bay của thành viên tổ bay đáp ứng các quy định của Bộ Công an và do Tư lệnh Cảnh sát cơ động quyết định. Các thành viên tổ bay hằng năm phải được giám định sức khỏe, có chứng nhận đủ sức khỏe theo quy định của Hội đồng giám định y khoa Không quân (Viện y học Phòng không - Không quân);

b) Thành viên tổ bay phải được cấp bằng (chứng chỉ) bởi các cơ sở đào tạo bay ban đầu và chuyển loại được Bộ Công an công nhận;

c) Thành viên tổ bay được huấn luyện, phê duyệt đầy đủ các khoa mục, bài bay liên quan đến nhiệm vụ bay theo tài liệu giáo trình huấn luyện bay của Không quân Công an nhân dân, tham gia các khóa huấn luyện ban đầu, định kỳ hàng năm về an toàn bay theo chương trình huấn luyện của nhà sản xuất tàu bay;

d) Thành viên tổ bay chỉ được thực hiện nhiệm vụ bay trong khoảng thời gian giãn cách bay phù hợp với nhiệm vụ theo giáo trình huấn luyện bay của Không quân Công an nhân dân.

5. Các giấy tờ thành viên tổ bay phải mang theo khi bay:

a) Kế hoạch bay đã được cấp trên phê duyệt;

b) Sổ chuẩn bị bay;

c) Nhật ký kỹ thuật;

d) Tài liệu hướng dẫn bay dành cho thành viên tổ bay;

đ) Các tài liệu khác có liên quan đến chuyến bay.

1. **Nhân viên bảo đảm kỹ thuật tàu bay**

1. Điều kiện đối với nhân viên bảo đảm kỹ thuật tàu bay:

a) Nhân viên bảo đảm kỹ thuật tàu bay phải được cấp bằng (chứng chỉ) bởi các cơ sở đào tạo (ban đầu, định kỳ và chuyển loại) được Bộ Công an công nhận;

b) Đã hoàn thành chương trình huấn luyện ban đầu, huấn luyện định kì hàng năm các quy tắc sử dụng kỹ thuật hàng không, các biện pháp an toàn theo tài liệu hướng dẫn của nhà sản xuất tàu bay và tài liệu huấn luyện kỹ thuật tàu bay.

2. Trách nhiệm của nhân viên bảo đảm kỹ thuật tàu bay

a) Thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ quy trình kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng của nhà sản xuất tàu bay, động cơ và tài liệu quy định công tác bảo đảm kỹ thuật hàng không;

b) Nghiên cứu, cập nhật các thay đổi hệ thống tài liệu khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa, các chỉ lệnh đủ điều kiện bay, thông báo kỹ thuật của nhà sản xuất tàu bay, động cơ; luyện tập và sử dụng thành thạo các trang bị, thiết bị, phương tiện phục vụ bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay;

c) Phối hợp chặt chẽ với thành viên tổ bay, kịp thời phát hiện các hỏng hóc, đề xuất phương án khắc phục, bảo đảm an toàn cho chuyến bay.

**Chương V**

**QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH BAY**

1. **Quy chế bay trong khu vực sân bay**

1. Quy chế bay trong khu vực sân bay của Bộ Công an do Tư lệnh Cảnh sát cơ động ban hành sau khi thống nhất với Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng; Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải.

2. Khi thực hiện hoạt động bay trong khu vực sân bay do đơn vị khác quản lý thì thực hiện theo Quy chế bay trong khu vực sân bay của các đơn vị đó.

1. **Phương thức bay tại sân bay**

1. Tư lệnh Cảnh sát cơ động quyết định phương thức bay tại sân bay của Bộ Công an sau khi thống nhất với Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng; Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải.

2. Khi thực hiện hoạt động bay trong khu vực sân bay do đơn vị khác quản lý phải thực hiện nghiêm phương thức bay của các sân bay đơn vị đó.

1. **Hiệp đồng**

1. Nội dung hiệp đồng: Tổ chức và sử dụng vùng trời; xây dựng phương thức bay; cấp phép bay; thông báo, dự báo bay; quản lý, điều hành; bảo đảm bay; tìm kiếm cứu nạn; quản lý các hoạt động bay đặc biệt.

2. Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng quy chế phối hợp, hiệp đồng theo các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều này.

1. **Hệ thống chỉ huy, quản lý điều hành bay**

1. Hệ thống chỉ huy và quản lý điều hành bay của Bộ Công an bao gồm: Trung tâm chỉ huy của Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động, Trung tâm chỉ huy tại các đơn vị Không quân Công an nhân dân, đài chỉ huy bay chính, tổ chỉ huy bay chính, tổ chỉ huy bay bãi ngoài, các trạm chuyển tiếp chỉ huy của đơn vị Không quân Công an nhân dân.

2. Hệ thống chỉ huy và quản lý điều hành bay của Bộ Công an có trách nhiệm phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với các cơ quan quản lý điều hành bay của Bộ Quốc phòng, Bộ Giao thông vận tải về sử dụng hỗn hợp hệ thống thông tin, dẫn đường, giám sát, khí tượng hàng không, thông báo tin tức hàng không và thống nhất sử dụng tần số nghiệp vụ cho đơn vị quản lý điều hành bay.

3. Cục Viễn thông và cơ yếu chủ trì phối hợp với Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động liên hệ các cơ quan chức năng thuộc Bộ Thông tin và truyền thông, Bộ Giao thông vận tải và Bộ Quốc phòng về việc cấp, sử dụng tần số vô tuyến điện phục vụ hoạt động bay của các đơn vị Không quân Công an nhân dân.

1. **Bay ngoài vùng trời khu vực sân bay**

1. Khi thực hiện hoạt động bay ngoài vùng trời khu vực sân bay được quy định tại Điều 14 Thông tư này phải tuân thủ sự chỉ huy, điều hành, chủ trì hiệp đồng của cơ quan quản lý điều hành bay được quy định tại Nghị định số 125/2015/NĐ-CP ngày 04/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay và các nội dung được quy định tại Điều 16 Thông tư này.

2. Khi thực hiện hoạt động bay ngoài không phận Việt Nam phải thực hiện nghiêm quy chế, phương thức bay và các quy định bảo đảm an ninh, an toàn hàng không của nhà chức trách nước sở tại và Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

1. **Dự báo, thông báo bay**

1. Tất cả các chuyến bay của các đơn vị Không quân Công an nhân dân trong vùng trời Việt Nam và vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý đều phải thực hiện dự báo, thông báo bay theo Quy chế dự báo, thông báo bay hiện hành của Bộ Quốc phòng. Trừ các chuyến bay chuyển cấp thực hiện các nhiệm vụ khẩn cấp, đột xuất được lãnh đạo Bộ Công an giao.

2. Công tác lập, gửi dự báo, thông báo, kế hoạch bay theo Quy chế dự báo, thông báo bay do Trung tâm chỉ huy của các đơn vị Không quân Công an nhân dân thực hiện.

**Chương VI**

**BẢO ĐẢM BAY VÀ TỔ CHỨC BAY**

**Mục 1**

**BẢO ĐẢM BAY**

1. **Các hình thức bảo đảm bay**

1. Bảo đảm bay có các hình thức chủ yếu sau:

a) Bảo đảm tổ chức chỉ huy (Khí tượng, Thông tin, Giám sát, Ánh sáng, Dẫn đường);

b) Bảo đảm kỹ thuật hàng không;

c) Bảo đảm hậu cần kỹ thuật sân bay;

d) Bảo đảm tìm kiếm cứu nạn, khẩn nguy.

2. Việc trang cấp tiêu chuẩn, định mức trang bị, thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo đảm bay được thực hiện theo quy định.

1. **Bảo đảm khí tượng**

1. Công tác bảo đảm khí tượng bao gồm:

a) Thu thập, xử lý, phân tích các số liệu khí tượng mặt đất, trên cao, ảnh mây dựa trên thông tin khí tượng của trạm quan trắc tại sân bay của Bộ Công an và thông tin khí tượng của Hàng không dân dụng, Quân đội và các cơ quan khí tượng có thẩm quyền cung cấp;

b) Báo cáo chỉ huy về thực trạng thời tiết trong và ngoài khu vực sân bay, các sân bay dự bị (bãi ngoài);

c) Cảnh báo các hiện tượng thời tiết nguy hiểm và đề xuất các kiến nghị nhằm bảo đảm an toàn cho các chuyến bay đang tiến hành trong các khu vực có liên quan.

2. Nhân viên bảo đảm khí tượng phải được cấp bằng (chứng chỉ) bởi các cơ sở đào tạo được Bộ Công an công nhận.

3. Thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung trong tài liệu quy định công tác bảo đảm khí tượng hàng không bao gồm các nội dung: quan trắc, dự báo thời tiết; sử dụng và phân tích các nguồn thông tin khí tượng; chuẩn bị khí tượng cho chuyến bay; bảo đảm khí tượng trong thời gian bay; đánh giá chất lượng bảo đảm khí tượng sau khi bay; thông báo, đánh giá thời tiết nguy hiểm.

1. **Bảo đảm thông tin, giám sát, ánh sáng**

1. Công tác bảo đảm thông tin, giám sát, ánh sáng bao gồm:

a) Bảo đảm thông tin chỉ huy, hiệp đồng; thông tin đối không, máy ghi âm; đài trạm giám sát và đèn tín hiệu hàng không, nguồn điện dự phòng;

b) Thường xuyên nắm chắc thực trạng của các trang thiết bị thông tin, giám sát, ánh sáng, chủ động đề xuất phương án khắc phục sửa chữa, duy trì luôn ở trạng thái tốt, bảo đảm khai thác có hiệu quả cho hoạt động bay;

c) Khi thực hiện nhiệm vụ trên đường bay và tại các sân bay dân dụng, sân bay quân sự, sân bay dùng chung phải thực hiện theo quy định về sử dụng các trang thiết bị thông tin, giám sát, ánh sáng của các đơn vị quản lý, điều hành bay và quản lý sân bay.

2. Nhân viên bảo đảm thông tin, giám sát, ánh sáng phải được cấp bằng (chứng chỉ) bởi các cơ sở đào tạo được Bộ Công an công nhận.

3. Thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung trong tài liệu quy định công tác bảo đảm thông tin, giám sát, ánh sáng hàng không bao gồm các nội dung: Thông tin liên lạc; thông tin bảo đảm bay và các quy định quản lý, khai thác, bảo dưỡng hệ thống thông tin, giám sát, ánh sáng; các bước trong thực hiện bảo đảm thông tin, giám sát, ánh sáng cho một ban bay.

1. **Bảo đảm dẫn đường**

1. Công tác bảo đảm dẫn đường bao gồm:

a) Căn cứ vào tình hình nhiệm vụ thu thập, xây dựng các dữ liệu cần thiết và tính toán các số liệu dẫn đường (bản đồ bay, sơ đồ sân bay, bãi ngoài, vị trí, hướng bay, đường bay, độ cao, tốc độ bay, thời gian bay, lượng nhiên liệu tiêu thụ cho chuyến bay);

b) Lựa chọn thứ tự sử dụng các thiết bị dẫn đường trên không và mặt đất cho các chuyến bay;

c) Thường xuyên cập nhật các dữ liệu, thông tin về dẫn đường và sử dụng thành thạo các trang thiết bị dẫn đường hàng không.

2. Công tác bảo đảm dẫn đường do phi công - lái phụ chịu trách nhiệm.

3. Thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung trong tài liệu quy định khai thác các thiết bị dẫn đường trên tàu bay, tài liệu quy định công tác tổ chức bay.

1. **Bảo đảm kỹ thuật hàng không**

1. Công tác bảo đảm kỹ thuật hàng không bao gồm:

a) Thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tiến tàu bay theo các tiêu chuẩn quy định, quy trình, các chỉ lệnh đủ điều kiện bay, các yêu cầu của nhà sản xuất tàu bay và quốc gia thiết kế tàu bay;

b) Tiến hành sửa chữa khắc phục triệt để các hỏng hóc ảnh hưởng đến an toàn bay theo quy định của nhà sản xuất tàu bay, động cơ và quy định công tác bảo đảm kỹ thuật hàng không trong Không quân Công an nhân dân trước khi tàu bay cất cánh;

c) Bảo đảm các thiết bị khai thác và thiết bị an toàn, khẩn nguy cần thiết cho chuyến bay trong tình trạng đủ điều kiện hoạt động;

d) Bảo đảm tất cả thiết bị lắp trên tàu bay kể cả vũ khí (nếu có), các vật tư kỹ thuật, phụ tùng dự phòng sử dụng cho việc khai thác, bảo dưỡng tàu bay phải được cung ứng từ các nhà cung cấp được Bộ Công an phê duyệt, phù hợp với loại tàu bay được trang bị;

đ) Bảo đảm các tài liệu, hướng dẫn kỹ thuật của nhà sản xuất tàu bay (thiết bị) luôn được phổ biến và cập nhật kịp thời đến các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình khai thác và bảo dưỡng tàu bay (thiết bị).

2. Công tác bảo đảm kỹ thuật hàng không do nhân viên bảo đảm kỹ thuật tàu bay đảm nhiệm.

3. Thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung trong tài liệu quy định công tác bảo đảm kỹ thuật hàng không bao gồm các nội dung sau: quy định về công tác tổ chức chỉ huy, điều hành kỹ thuật; quản lý, khai thác, bảo dưỡng tàu bay, vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật hàng không tại các đơn vị Không quân Công an nhân dân.

1. **Bảo đảm hậu cần kỹ thuật sân bay**

1. Công tác bảo đảm hậu cần kỹ thuật sân bay bao gồm:

a) Bảo đảm công trình sân bay; bảo đảm xe máy điện khí và nhiên liệu; y tế; phòng thủ canh gác sân bay, tàu bay; ăn uống, nghỉ ngơi; công tác phòng cháy, chữa cháy theo quy định công tác bảo đảm hậu cần kỹ thuật sân bay;

b) Khi hoạt động ngoài sân bay do Bộ Công an quản lý, Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động phải phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với đơn vị bảo đảm hậu cần kỹ thuật của các đơn vị quản lý sân bay đó, Công an các địa phương bảo đảm đáp ứng các yêu cầu tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Nhân viên bảo đảm hậu cần kỹ thuật sân bay phải được cấp bằng (chứng chỉ) bởi các cơ sở đào tạo được Bộ Công an công nhận.

3. Thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung trong tài liệu quy định công tác bảo đảm hậu cần kỹ thuật sân bay bao gồm các nội dung về trình tự, thủ tục, nguyên tắc thực hiện công tác bảo đảm hậu cần kỹ thuật sân bay.

1. **Bảo đảm tìm kiếm cứu nạn, khẩn nguy**

1. Công tác bảo đảm tìm kiếm cứu nạn, khẩn nguy bao gồm:

a) Khi tổ chức hoạt động bay Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động phải tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn trên không, mặt đất và duy trì chặt chẽ chế độ trực ban tìm kiếm cứu nạn tại Trung tâm chỉ huy các đơn vị Không quân Công an nhân dân để sẵn sàng tìm kiếm cứu nạn kịp thời khi có sự cố, tai nạn xảy ra;

b) Hiệp đồng chặt chẽ với các Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng không, Trung tâm khẩn nguy sân bay, các lực lượng vũ trang, chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan để tiến hành công tác tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật;

c) Bảo đảm đầy đủ các phương tiện, trang bị tìm kiếm cứu nạn hàng không; thường xuyên huấn luyện sử dụng thành thạo các phương tiện, trang bị tìm kiếm cứu nạn, nắm chắc các phương pháp tìm kiếm cứu nạn hàng không.

2. Nhân viên tìm kiếm cứu nạn hàng không phải được cấp chứng chỉ tại các cơ sở huấn luyện tìm kiếm cứu nạn, khẩn nguy được Bộ Công an công nhận.

3. Thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung trong tài liệu quy định công tác bảo đảm tìm kiếm cứu nạn, khẩn nguy bao gồm các nội dung về trình tự, thủ tục, nguyên tắc thực hiện công tác bảo đảm tìm kiếm cứu nạn, khẩn nguy; quản lý, sử dụng trang bị, phương tiện tìm kiếm cứu nạn, khẩn nguy.

**Mục 2**

**TỔ CHỨC BAY**

1. **Phân loại chuyến bay**

Các chuyến bay của Không quân Công an nhân dân được phân loại như sau:

1. Theo nhiệm vụ

a) Bay huấn luyện nâng cao trình độ kỹ thuật lái, dẫn đường trong mọi điều kiện khí tượng ngày, đêm; các khu vực, địa hình hoạt động sát với yêu cầu, nhiệm vụ; đào tạo chuyển loại thành viên tổ bay khi được giao;

b) Bay nhiệm vụ phục vụ công tác chỉ huy, chỉ đạo, vận chuyển, tuần tra, giám sát, trinh sát, tác chiến, cơ động chiến đấu và thực hiện nhiệm vụ bay phục vụ lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Bộ Công an theo quy định; tham gia tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống khắc phục thảm họa, thiên tai; bay diễn tập, duyệt binh, diễu binh; bay vận chuyển; bay thử, bay kiểm tra tàu bay và bay làm nhiệm vụ đặc biệt khác.

2. Theo khu vực hoạt động bao gồm: Bay trong, ngoài vùng trời sân bay; bay trong, ngoài đường hàng không; bay trong khu vực cấm, hạn chế bay, khu vực biên giới, hải đảo; bay ngoài không phận Việt Nam.

3. Theo số lượng tàu bay bao gồm: bay chiếc một, bay đội hình.

4. Theo thời gian ngày, đêm, các chuyến bay được phân ra bao gồm:

a) Các chuyến bay ngày là các chuyến bay được thực hiện trong khoảng thời gian từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn;

b) Các chuyến bay đêm là các chuyến bay được thực hiện trong khoảng thời gian từ lúc mặt trời lặn đến lúc mặt trời mọc;

c) Các chuyến bay cả ngày và đêm là các chuyến bay được thực hiện trong khoảng thời gian, trong đó có thời điểm chuyển từ ngày sang đêm hoặc ngược lại.

5. Theo điều kiện địa hình bao gồm: bay trên vùng đồng bằng và trung du; bay trên vùng rừng núi, biển; bay trong khu vực đô thị, khu vực đông dân cư.

6. Theo quy tắc bay bao gồm:

a) Bay bằng mắt là những chuyến bay được thực hiện trong điều kiện khi vị trí và trạng thái không gian của tàu bay được (hoặc có thể) xác định bằng mắt, chủ yếu theo đường chân trời tự nhiên và địa tiêu;

b) Bay bằng thiết bị là những chuyến bay được thực hiện trong các điều kiện khi vị trí và trạng thái không gian của tàu bay được xác định chỉ theo hoặc chủ yếu theo các đồng hồ thuộc hệ thống điều khiển, hệ thống dẫn đường và giám sát.

7. Theo điều kiện khí tượng bao gồm:

a) Bay trong điều kiện khí tượng giản đơn là chuyến bay mà tổ bay có thể quan sát hoàn toàn bằng mắt kể từ lúc cất cánh đến lúc hạ cánh;

b) Bay trong điều kiện khí tượng phức tạp là chuyến bay có thể thực hiện hoàn toàn hoặc một phần bằng thiết bị (không nhìn thấy mặt đất hoặc đường chân trời tự nhiên) hoặc chuyến bay quan sát bằng mắt khi mây thấp, tầm nhìn hạn chế.

8. Những chuyến bay được tính tương ứng bay trong điều kiện khí tượng phức tạp bao gồm:

a) Bay trên vùng, rừng núi, biển;

b) Bay qua những điều kiện khí hậu và địa hình khác nhau;

c) Bay trong khu vực đô thị, khu vực đông dân cư.

9. Theo độ cao các chuyến bay bao gồm:

a) Bay ở độ cao rất thấp: là các chuyến bay được thực hiện ở độ cao bằng hoặc thấp hơn 200m tính theo địa hình;

b) Bay ở độ cao thấp: là các chuyến bay được thực hiện ở độ cao từ trên 200m đến 2000m tính theo địa hình;

c) Bay ở độ cao trung bình: là các chuyến bay được thực hiện ở độ cao từ trên 2000m đến 6000m tính theo địa hình;

d) Bay ở độ cao cao: là các chuyến bay được thực hiện ở độ cao từ trên 6000m đến 12000m tính theo địa hình.

1. **Lập kế hoạch bay**

1. Căn cứ lập kế hoạch

a) Chương trình, kế hoạch, mệnh lệnh của cấp có thẩm quyền;

b) Chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế của đơn vị Không quân Công an nhân dân (phi công, tàu bay, các hình thức bảo đảm);

c) Địa bàn, khu vực, mục tiêu, tuyến được xác định khi có yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội;

d) Các hoạt động khác có liên quan ảnh hưởng đến các chuyến bay.

2. Tổ xây dựng kế hoạch bay

a) Thành phần Tổ xây dựng kế hoạch bay cấp Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động: Tổ trưởng là lãnh đạo Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động; thành viên là đại diện lãnh đạo các phòng, chỉ huy của các đơn vị có liên quan và cán bộ chuyên môn;

b) Thành phần Tổ xây dựng kế hoạch bay cấp đơn vị Không quân Công an nhân dân: Tổ trưởng là Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng đơn vị Không quân Công an nhân dân; thành viên là các ban, phi đội và cán bộ chuyên môn thuộc đơn vị Không quân Công an nhân dân.

3. Nội dung kế hoạch

a) Mục đích, nhiệm vụ bay theo phân loại các chuyến bay;

b) Tên thành viên tổ bay, chỉ huy bay;

c) Kiểu loại tàu bay, số hiệu đăng ký tàu bay, trọng lượng cất cánh tối đa;

d) Hành trình bay, độ cao bay, khu vực bay, đường bay, ngày thực hiện chuyến bay, thời gian dự kiến cất cánh, hạ cánh, sân bay cất, hạ cánh, sân bay dự bị, bãi ngoài;

đ) Trang thiết bị thông tin liên lạc, dẫn đường;

e) Các nội dung cần thiết khác.

4. Trường hợp cần thiết, khi có nhiều đơn vị tham gia phối hợp hiệp đồng, đơn vị được giao chủ trì xây dựng kế hoạch bay đề nghị cơ quan, đơn vị có liên quan cử đại diện tham gia xây dựng kế hoạch bay.

1. **Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch bay**

1. Lãnh đạo Bộ Công an phê duyệt kế hoạch bay của Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động khi thực hiện nhiệm vụ bay có phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Bộ Công an.

2. Tư lệnh Cảnh sát cơ động phê duyệt kế hoạch bay cho các đơn vị Không quân Công an nhân dân xây dựng hoặc phê duyệt kế hoạch bay do lãnh đạo Bộ Công an ủy quyền phê duyệt.

1. **Công tác tổ chức bay**

1. Công tác tổ chức bay được thực hiện trực tiếp ở các đơn vị Không quân Công an nhân dân; thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các nội dung trong tài liệu quy định công tác tổ chức bay.

2. Tư lệnh Cảnh sát cơ động trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác tổ chức bay hoặc thông qua các phòng chức năng và hệ thống chỉ huy các cấp.

**Chương VII**

**tổ chức bảo đảm AN TOÀN BAY**

1. **Công tác bảo đảm an toàn bay**

1. Nghiên cứu, tổng hợp, phân tích, đánh giá các yếu tố tác động, ảnh hưởng đến an toàn bay, thực trạng và khả năng thực tế về bảo đảm an toàn bay của các đơn vị bay để kịp thời phát hiện, giảm thiểu, ngăn chặn các nguy cơ có thể gây ra mất an toàn bay.

2. Thực hiện đầy đủ công tác báo cáo, thống kê về bảo đảm an toàn bay.

3. Tổ chức huấn luyện phổ biến các quy định về bảo đảm an toàn hàng không cho các thành phần liên quan đến hoạt động bay.

4. Tiến hành điều tra kết luận chính xác nguyên nhân uy hiếp, mất an toàn bay để giảng bình, triển khai các biện pháp khắc phục và phòng ngừa bảo đảm an toàn bay vững chắc.

1. **Các yếu tố ảnh hưởng đến an toàn bay**

1. Con người: Tất cả các thành phần có liên quan đến công tác tổ chức, chuẩn bị, thực hành và bảo đảm bay.

2. Phương tiện: Tất cả các tàu bay và phương tiện bảo đảm bay.

3. Hệ thống tài liệu: Tất cả các tài liệu hướng dẫn khai thác, bảo đảm bay.

4. Điều kiện khách quan, môi trường, thời tiết tác động trực tiếp vào chuyến bay.

1. **Các cấp độ gây mất an toàn bay**

1. Sự cố trong chuyến bay bao gồm:

a) Sự cố không ảnh hưởng đến an toàn bay là những tình huống bất thường nằm ngoài ý muốn của thành viên tổ bay khi thực hiện nhiệm vụ bay không gây uy hiếp đến an toàn của chuyến bay;

b) Sự cố uy hiếp an toàn bay là hậu quả xảy ra từ tình huống khẩn nguy đe dọa đến an toàn của chuyến bay nhưng chưa đến mức nghiêm trọng. Tàu bay chưa bị hư hỏng hoặc đã bị hư hỏng nhưng có thể sửa chữa, hồi phục để đưa vào sử dụng trở lại mà không vượt quá tổng chi phí và thời gian bảo dưỡng loại tàu bay đó;

c) Sự cố uy hiếp an toàn bay nghiêm trọng là một dạng của sự cố uy hiếp an toàn bay mà hậu quả của nó chứa đựng nhiều yếu tố đe dọa nguy hiểm đến an toàn của chuyến bay. Tàu bay không bị hư hỏng hoặc bị hư hỏng nhưng có thể sửa chữa, hồi phục để đưa vào sử dụng trở lại mà tổng chi phí và thời gian không vượt quá chi phí và thời gian trung tu loại tàu bay đó.

2. Tai nạn bay được chia thành các cấp độ như sau:

a) Tai nạn bay cấp 3 (tàu bay bị hư hỏng) là tai nạn mà hậu quả của nó không gây ra chết người nhưng tàu bay bị hư hỏng có thể sửa chữa, hồi phục để đưa vào sử dụng trở lại mà tổng chi phí và thời gian không vượt quá chi phí và thời gian để đại tu loại tàu bay đó;

b) Tai nạn bay cấp 2 là tai nạn mà hậu quả của nó không làm chết người thuộc về thành viên tổ bay và hành khách trên tàu bay nhưng tàu bay bị hỏng hoàn toàn hoặc không bị hỏng hoàn toàn với chi phí để vận chuyển và sửa chữa bằng hoặc vượt quá chi phí mua một tàu bay cùng loại có chất lượng tương đương;

c) Tai nạn bay cấp 1 là tai nạn mà hậu quả của nó làm chết người thuộc thành viên tổ bay, hành khách trên tàu bay (kể cả trường hợp người trên tàu bay bị thương và chết trong thời gian điều tra tai nạn) hoặc khi kết thúc công tác tìm kiếm, cứu nạn vẫn không xác định được vị trí của người và tàu bay.

1. **Lập kế hoạch bảo đảm an toàn bay**

1. Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của đơn vị; chương trình kế hoạch, quyết định, mệnh lệnh của cấp có thẩm quyền, đơn vị được giao xây dựng kế hoạch bay thì tiến hành xây dựng kế hoạch bảo đảm an toàn bay.

2. Khi có nhiều đơn vị cùng tham gia hoạt động bay trên một sân bay, người chỉ huy đơn vị bay trực tiếp tổ chức hiệp đồng với các đơn vị liên quan để lập kế hoạch bảo đảm an toàn bay.

3. Cấp phê duyệt kế hoạch bay đồng thời là cấp phê duyệt kế hoạch bảo đảm an toàn bay.

1. **Bảo vệ hiện trường**

1. Công an các đơn vị địa phương tại khu vực xảy ra sự cố, tai nạn tàu bay có trách nhiệm bảo vệ tàu bay và hiện trường ngay khi xảy ra sự cố, tai nạn tàu bay; triển khai các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Cấp cứu người còn sống; dập cháy, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân;

b) Bảo vệ tàu bay để không bị cháy hoặc hư hỏng thêm; không làm xáo trộn hoặc thay đổi hiện trường (trừ trường hợp cần thiết để cấp cứu người bị nạn);

c) Áp dụng các biện pháp thích hợp để ngăn chặn hậu quả có thể xảy ra ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng, tài sản của nhân dân, cơ quan, tổ chức tại khu vực xảy ra sự cố, tai nạn;

d) Thực hiện các biện pháp cần thiết khác để lưu giữ vật chứng dễ bị mất hoặc biến dạng;

đ) Thu thập họ tên và địa chỉ của những người chứng kiến để phục vụ cho việc điều tra sự cố, tai nạn tàu bay.

2. Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai công tác bảo vệ hiện trường; thu thập, tiếp nhận thông tin về sự cố, tai nạn báo cáo lãnh đạo Bộ Công an.

1. **Tổ chức điều tra nguyên nhân sự cố, tai nạn tàu bay**

Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động sau khi nhận được thông tin, báo cáo về sự cố, tai nạn tàu bay phải tiến hành xác minh, đánh giá sơ bộ, báo cáo lãnh đạo Bộ Công an. Tùy theo tính chất, mức độ của sự cố, tai nạn tàu bay, Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động đề xuất lãnh đạo Bộ Công an quyết định thành lập Hội đồng điều tra nguyên nhân sự cố, tai nạn tàu bay.

1. **Trách nhiệm, quyền hạn điều tra nguyên nhân sự cố, tai nạn tàu bay**

1. Trách nhiệm của Hội đồng điều tra nguyên nhân sự cố, tai nạn tàu bay:

a) Điều tra nhằm làm rõ sự kiện, điều kiện, hoàn cảnh, nguyên nhân và mức độ thiệt hại của sự cố, tai nạn;

b) Áp dụng các biện pháp nhằm hạn chế thiệt hại có thể xảy ra;

c) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan và chính quyền địa phương trong việc điều tra nguyên nhân sự cố, tai nạn tàu bay và hướng dẫn phòng ngừa sự cố, tai nạn tàu bay trong tương lai.

2. Quyền hạn của Hội đồng điều tra nguyên nhân sự cố, tai nạn tàu bay:

a) Kiểm tra, khám nghiệm tàu bay, trang bị, thiết bị, tài sản trong tàu bay bị sự cố, tai nạn và các tài liệu, đồ vật có liên quan;

b) Tiến hành xác minh nguyên nhân các vấn đề có liên quan đến sự cố, tai nạn tàu bay;

c) Nghiên cứu các vấn đề về tàu bay bị sự cố, tai nạn; công tác đào tạo, huấn luyện; công tác bảo đảm và thực hiện chuyến bay; tâm lý và thể trạng của thành viên tổ bay và các thành phần bảo đảm có liên quan;

d) Yêu cầu cung cấp, nhận và nghiên cứu thông tin, tài liệu từ cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến sự cố, tai nạn tàu bay.

đ) Đề xuất hình thức xử lý nếu có sai phạm dẫn đến sự cố, tai nạn tàu bay.

1. **Quy định thời gian điều tra nguyên nhân sự cố, tai nạn tàu bay**

1. Quy định thời gian điều tra nguyên nhân sự cố, tai nạn tàu bay như sau:

a) Tai nạn bay cấp 1 không quá mười (10) ngày;

b) Tai nạn bay cấp 2 không quá bảy (07) ngày;

c) Tai nạn bay cấp 3 và sự cố uy hiếp an toàn bay nghiêm trọng không quá năm (05) ngày;

d) Sự cố uy hiếp an toàn bay không quá ba (03) ngày.

2. Trường hợp phải thay đổi thời gian, Chủ tịch hội đồng điều tra nguyên nhân sự cố, tai nạn tàu bay đề xuất lãnh đạo Bộ Công an quyết định.

1. **Tiến hành điều tra nguyên nhân sự cố, tai nạn tàu bay**

1. Thu thập, ghi lại và phân tích các thông tin có thể thu thập được về sự cố, tai nạn tàu bay.

2. Nghiên cứu, tổ chức điều tra, xác định các nguyên nhân gây ra sự cố, tai nạn tàu bay.

3. Lập báo cáo về điều tra nguyên nhân sự cố, tai nạn tàu bay.

4. Ban hành kết luận nguyên nhân của sự cố, tai nạn tàu bay, kiến nghị các giải pháp ngăn ngừa các sự cố, tai nạn tàu bay trong tương lai.

1. **Xử lý hậu quả sau sự cố, tai nạn tàu bay**

1. Khi xảy ra sự cố, tai nạn tàu bay, tùy theo cấp độ ảnh hưởng, các đơn vị phải dừng hoạt động bay để khắc phục hậu quả, kiểm tra, kiểm điểm an toàn theo quy định (trừ những trường hợp khẩn cấp được phép của lãnh đạo Bộ Công an).

2. Thời gian dừng bay và cho phép bay trở lại do Tư lệnh Cảnh sát cơ động quyết định sau khi được phép của lãnh đạo Bộ Công an.

3. Thành viên tổ bay trên chuyến bay xảy ra sự cố, tai nạn, không phụ thuộc nguyên nhân đều được nghỉ dưỡng và điều trị vết thương (nếu có). Chỉ được tham gia bay trở lại sau khi đã có kết luận về sức khỏe của Hội đồng giám định y khoa Không quân và quyết định của Tư lệnh Cảnh sát cơ động.

4. Các thành viên tổ bay trên tàu bay liên quan đến sự cố, tai nạn tàu bay tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, đề xuất xem xét hình thức xử lý kỷ luật theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc xử lý, kỷ luật cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân và các quy định của pháp luật.

5. Các thành viên tổ bay khi có quyết định được tham gia bay trở lại phải được huấn luyện lý thuyết, bay kèm, kiểm tra đủ điều kiện mới được vào thực hiện nhiệm vụ.

6. Khắc phục sự cố, bồi thường thiệt hại (nếu có) về sức khỏe, tính mạng, tài sản của Nhân dân, cơ quan tổ chức do sự cố, tai nạn tàu bay gây ra.

**Chương VIII**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. **Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày …. tháng …. năm 202…

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung.

1. **Trách nhiệm thi hành**

1. Tư lệnh Cảnh sát cơ động có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công an thống nhất quản lý về tổ chức hoạt động bay của đơn vị Không quân Công an nhân dân; phê duyệt giáo trình huấn luyện bay của Không quân Công an nhân dân, tài liệu huấn luyện kỹ thuật tàu bay, tài liệu quy định công tác tổ chức bay quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8, các tài liệu quy định tại khoản 3 các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động bảo đảm các điều kiện cho Không quân Công an nhân dân hoạt động và chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này**,** nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động) để kịp thời hướng dẫn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Các đồng chí Thứ trưởng;  - Bộ Quốc phòng, Bộ Giao thông vận tải (để phối hợp);  - Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an (để t/hiện);  - Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để t/hiện);  - Lưu: VT, V03, K02. NMH. (…b). | **BỘ TRƯỞNG**  **Đại tướng Tô Lâm** |